TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 06/9/2019
V/v: không công nhận vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Hà Giang

* *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Quốc Sửu;
Ông Trần Anh Dũng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên.

- Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Bộ - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 197/2019/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2019/QĐXX - HNGĐ ngày 21/8/2019 giữa:

1. Nguyên đơn: anh Nguyễn Quý Ch, sinh năm 1975; nơi cư trú: thôn L, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang (có mặt)

2. Bị đơn: chị Hà Thị L, sinh năm 1976; nơi ĐKHKTT: thôn thôn L, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Hiện trú tại: ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước (xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 6 năm 2019, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn - anh Nguyễn Quý Ch trình bày: Anh và chị Hà Thị L sau thời gian tìm hiểu đã về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999, không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã theo quy định của pháp luật. Ban đầu anh và chị L chung sống hòa thuận, hạnh phúc và đã sinh được 02 con chung. Năm 2016, anh và chị L phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra tranh cãi to tiếng. Đến cuối năm 2016, mâu thuẫn trầm trọng nên chị L bỏ vào miền Nam sinh sống tại Ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước. Anh và chị L sống ly thân từ đó cho đến nay không quan tâm chăm sóc cho nhau. Nay anh xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống được nữa nên đề nghị Tòa án không công nhận anh và chị L là vợ chồng.

Về con chung: trong quá trình sống chung anh và chị L có 02 con chung là Nguyễn Quý Tr, sinh ngày 24/11/1999 và Nguyễn Quý Minh H, sinh ngày 11/5/2012. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, ruộng canh tác: anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Nguyễn Quý Ch có mặt giữ nguyên yêu cầu trên.

Tại bản tự khai ngày 17/6/2019 và lời khai tiếp theo, bị đơn chị Hà Thị L trình bày: chị thừa nhận về thời gian chung sống, quá trình chung sống, thời điểm xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn cũng như việc sống ly thân như anh Ch trình bày là đúng. Nay chị xác định tình cảm không còn, không thể tiếp tục chung sống được nữa nên chị nhất trí với yêu cầu khởi kiện của anh Ch đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận chị và anh Ch là vợ chồng.

Về con chung: chị L xác nhận chị và anh Ch có 02 con chung là Nguyễn Quý Tr, sinh ngày 24/11/1999 và Nguyễn Quý Minh H, sinh ngày 11/5/2012. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, ruộng canh tác: chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Hà Thị L có đơn xin vắng mặt.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, xác định mối quan hệ tranh chấp, những người tham gia tố tụng đúng, đủ; tiến hành thu thập chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hoà giải, tống đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS; Hội đồng xét xử (HĐXX) đảm bảo về thành phần, nguyên tắc xét xử; tại phiên toà HĐXX đã thực hiện đủ, đúng các quy định của BLTTDS về phiên tòa sơ thẩm; Thư ký chấp hành đúng quyền hạn, trách nhiệm theo quy định; Các đương sự có ý thức chấp hành các quy định của BLTTDS. VKS không có yêu cầu, kiến nghị gì. Về nội dung vụ án, sau khi phân tích Kiểm sát viên đề nghị HĐXX áp dụng các khoản 1 Điều 14,khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình; khoản 3 Điều 144; Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Đề nghị HĐXX, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Quý Ch và chị Hà Thị L. Án phí sơ thẩm: anh Ch phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: ngày 13 tháng 6 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý vụ án không công nhận vợ chồng theo đơn khởi kiện của anh Nguyễn Quý Ch với bị đơn là chị Hà Thị L đăng ký hộ khẩu: thôn thôn L, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang; Hiện trú tại: ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước. Chị L, anh Ch có đơn thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Tân Yên giải quyết là theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2]. Về tố tụng: chị Hà Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX quyết định tiếp tục xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Quý Ch và chị Hà Thị L chung sống với nhau từ năm 1999 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND có thẩm quyền theo quy định. Quá trình chung sống từ năm 1999 đến nay anh Ch, chị L cũng không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định mặc dù Nhà nước có chính sách cho phép các cặp vợ chồng chung sống với nhau như vợ chồng kể từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001 nếu đủ điều kiện kết hôn có nghĩa vụ đii đăng ký kết hôn trong thời hạn 02 năm. Anh Ch, chị L chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Anh Ch và chị L sống ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay, không quan tâm chăm sóc cho nhau. Nay anh Ch, chị L xác định mâu thuẫn trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống được nữa đề nghị Tòa án không công nhận anh, chị là vợ chồng. HĐXX xét thấy, căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình, điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 200, khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTA-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình không công nhận anh Ch và chị L là vợ chồng.

[4] Về con chung: quá trình chung sống anh Ch và chị L có 02 con chung là Nguyễn Quý Tr, sinh ngày 24/11/1999 và Nguyễn Quý Minh H, sinh ngày 11/5/2012. Anh Ch và chị L không yêu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác: anh Ch và chị L không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: anh Ch phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016; khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Quý Ch và chị Hà Thị L là vợ chồng.

2. Án phí: Anh Nguyễn Quý Ch phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2018/0005800 ngày 13/6/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát Tân Yên;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục T.H.A Tân Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ;

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hà Giang